

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

2. Ông Phạm Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thị Huệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H; ĐKKHKT: Số 50/183 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Vinhomes Imperia khu Paris đường 20 số nhà 16, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn; Anh Phạm Văn D; nơi ĐKKHKT: Số 50/183 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, hiện cư trú tại: Cộng hòa Liên bang Đức; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường Quán Trữ, quận KA, thành phố Hải Phòng ngày 12 tháng 5 năm 2005. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận thời gian đầu đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm lối sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Năm 2014, anh Phạm Văn D đi sang Italy, sau đó sang Đức lao động đến nay không trở về Việt Nam. Anh chị có thỉnh thoảng liên lạc qua điện thoại nhưng chỉ giải quyết các vấn đề liên quan đến con cái, không còn hỏi thăm, quan tâm đến nhau về mọi mặt trong cuộc sống. Do thường xuyên thay đổi nơi cư trú nên anh Phạm Văn D không cung cấp địa chỉ nơi ở hiện tại ở Đức cho chị và gia đình anh Phạm Văn D.

Đến nay, chị Nguyễn Thị Thu H nhận thấy anh chị không thể tiếp tục sống chung, không còn tình cảm và khó có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết được ly hôn với anh Phạm Văn D để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn D có 02 con chung là cháu Phạm Tùng Lâm, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2005 và cháu Phạm Nguyễn Trường Giang, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2012. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thu H có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Phạm Văn D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn D vắng mặt. Theo Đơn xin ly hôn, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và bản tự khai của anh Phạm Văn D do chị Nguyễn Thị Thu H cung cấp, anh D xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị H: về thời điểm kết hôn, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng quan hệ giữa hai bên; anh D đồng ý ly hôn và đề nghị giao hai con chung là Phạm Tùng Lâm, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2005 và cháu Phạm Nguyễn Trường Giang, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2012 cho chị H nuôi dưỡng; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh do điều kiện địa lý xa xôi, anh không thể có mặt tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng để giải quyết việc ly hôn với chị H.

Xác minh đại diện gia đình anh Phạm Văn D là bà Đặng Thị Liên là mẹ đẻ của anh Phạm Văn D thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Đại diện gia đình xác nhận mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu H với anh Phạm Văn D phát sinh từ lâu và không hàn gắn được. Qua điện thoại, anh Phạm Văn D vẫn liên lạc với bố mẹ và anh Phạm Văn D đã biết được việc Tòa án thành phố Hải Phòng đang giải quyết ly hôn nhưng anh Phạm Văn D không về nước cũng không cung cấp địa chỉ của anh Phạm Văn D ở Cộng hòa Liên bang Đức cho gia đình biết do công việc không ổn định, anh D thường xuyên thay đổi chỗ ở; anh D có ý kiến đồng ý ly hôn với chị H vì mâu thuẫn không thể hàn gắn và đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn đồng thời xác nhận chữ viết và chữ ký trong đơn và tài liệu gửi kèm đúng là của anh D gửi về.

Xác minh tại chính quyền địa phương: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1977 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 50/183 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê

Chân, thành phố Hải Phòng. Hiện nay anh Phạm Văn D không có mặt tại địa phương từ năm 2014 đến nay, hiện không rõ nơi cư trú.

Xác minh tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thể hiện anh Phạm Văn D có 03 lần xuất cảnh, nhập cảnh gần nhất ngày 07 tháng 3 năm 2002, xuất cảnh gần nhất là ngày 21 tháng 9 năm 2014, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Do không tổng đạt được các văn bản tố tụng trực tiếp, Tòa án đã giao cho đại diện gia đình và chính quyền địa phương nhận đồng thời niêm yết tại tổ dân phố, tại Ủy ban nhân dân phường nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận tài liệu là Đơn xin ly hôn, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và bản tự khai của anh Phạm Văn D gửi thư qua bưu điện và trình bày do tình hình dịch bệnh covid nên các tài liệu của anh Phạm Văn D gửi về không thể xác nhận của đại sứ quán Việt Nam tại Đức đồng thời xác nhận đúng là chữ ký và chữ viết của anh Phạm Văn D.

Bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án xác minh, thu thập. Tại Đơn xin ly hôn, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và bản tự khai của anh Phạm Văn D

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Nguyên đơn cũng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc vắng mặt của bị đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận cuộc sống chung giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn D không có hạnh phúc, do bất đồng quan điểm lối sống, hai bên đã sống ly thân, không còn quan hệ gì. Xét, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H; về con chung: Hiện hai con chung hiện vẫn đang ở với chị Nguyễn Thị Thu H, khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung là có căn cứ, đề nghị chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quán Trữ ngày 12 tháng 5 năm 2005. Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Anh Phạm Văn D hiện đang cư trú tại nước ngoài. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Anh Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Phạm Văn D và công bố các tài liệu chứng cứ do Tòa án xác minh, thu thập.

- Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H

[3] Lời khai của chị Nguyễn Thị Thu H thống nhất với lời khai của đại diện gia đình hai bên về thời gian kết hôn, về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng trong quan điểm, lối sống. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2014, anh Phạm Văn D sang nước ngoài làm việc, sinh sống từ đó đến nay không về, hai người sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Do khoảng cách địa lý xa xôi, hai bên thiếu sự chia sẻ, động viên, chăm sóc lẫn nhau nên khó có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Xét, quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Nguyễn Thị Thu H xin ly hôn anh Phạm Văn D do không còn tình cảm và không thể hàn gắn mâu thuẫn là hoàn toàn chính đáng nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H, cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn D.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn D có hai con chung tên là Phạm Tùng Lâm, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2005 và cháu Phạm Nguyễn Trường Giang, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2012. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thu H có nguyện vọng giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn D cũng đồng ý giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện hai con chung của anh chị vẫn đang do chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Phạm Văn D hiện đang cư trú ở nước ngoài. Để đảm bảo sự phát triển, sinh hoạt, học tập ổn định của các con, cần giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con,

chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Phạm Văn D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Do các bên không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên là Phạm Tùng Lâm, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2005 và Phạm Nguyễn Trường Giang, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Phạm Văn D phải cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp theo Biên lai thu tiền

tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0018822 ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Quán Trữ, quận KA, Hải Phòng;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Vân Thúy

